

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bảng Tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2022**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng Tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua và Phụ lục cách đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2022.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng cùng cấp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc thực hiện Quyết định này, ký xác nhận, bảo đảm tính khách quan, chính xác trong việc tự chấm điểm của Sở Tư pháp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Trưởng, Phó Trưởng các Khu vực thi đua, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ban TĐKT Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng;
- Cổng Thông tin điện tử BTP (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐKT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thanh Tịnh**

## **BỘ TƯ PHÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2022*

### **PHỤ LỤC**

## **CÁCH ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP HẠNG THI ĐUA SỞ TƯ PHÁP CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 704/QĐ-BTP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

### **I. QUY ĐỊNH VỀ ĐIỂM CHUẨN, THANG ĐIỂM TẠI BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP HẠNG THI ĐUA SỞ TƯ PHÁP CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2022**

#### **1. Điểm chuẩn của Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2022**

Điểm chuẩn của Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm 2022 (Sau đây gọi tắt là Bảng tiêu chí) là tổng số tối đa 200 điểm, được tính cho Sở Tư pháp khi thực hiện đúng hoặc vượt tiến độ hoặc đáp ứng yêu cầu đạt tỷ lệ hoàn thành 100% tất cả các nhóm nhiệm vụ tương ứng với từng nhóm tiêu chí quy định tại Phần A, Phần B của Bảng tiêu chí.

#### **2. Điểm chuẩn từng phần của Bảng tiêu chí**

##### **2.1. Điểm chuẩn của Phần A. “Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp năm 2022” của Bảng tiêu chí (Phần A)**

Điểm chuẩn của Phần A Bảng tiêu chí là tổng số tối đa 150 điểm được tính cho Sở Tư pháp khi thực hiện đúng hoặc vượt tiến độ, đạt tỷ lệ hoàn thành 100% các nhóm nhiệm vụ được quy định tương ứng với từng nhóm tiêu chí quy định tại Phần A của Bảng tiêu chí.

##### **2.2. Điểm chuẩn của Phần B. “Thực hiện các nhiệm vụ khác” của Bảng tiêu chí (Phần B)**

Điểm chuẩn của Phần B Bảng tiêu chí là tổng số tối đa 50 điểm được tính cho Sở Tư pháp khi thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng hoặc theo yêu cầu đạt tỷ lệ hoàn thành 100% tất cả các nhiệm vụ được quy định tương ứng với từng nhóm tiêu chí tại Phần B của Bảng tiêu chí.

### **3. Thang điểm của Bảng tiêu chí**

Thang điểm là số điểm tối đa được áp dụng để tính cho Sở Tư pháp khi thực hiện hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo tiến độ hoặc đáp ứng yêu cầu hoặc khi thực hiện hoàn thành nhiệm vụ nhưng chậm tiến độ tương ứng với tỷ lệ % kết quả đạt được quy định tại từng tiêu chí thành phần của Bảng tiêu chí.

## **II. CHẤM ĐIỂM THI ĐUA**

### **1. Các bước đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp**

#### ***1.1. Tự chấm điểm của Sở Tư pháp và các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp***

Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí đã được quy định, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sau đây gọi tắt là Sở Tư pháp) có trách nhiệm tổ chức đánh giá, tự chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ các lĩnh vực công tác có tiêu chí chấm điểm của đơn vị mình; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực có tiêu chí chấm điểm thi đua đối với Sở Tư pháp có trách nhiệm xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành của các tiêu chí, tổ chức chấm điểm cho Sở Tư pháp theo nguyên tắc như sau:

- Tổng số điểm đạt được tối đa không quá 200 điểm được chấm cho Sở Tư pháp khi hoàn thành đạt tiến độ hoặc theo yêu cầu các nhiệm vụ đạt số điểm chuẩn tối đa quy định tại từng tiêu chí cụ thể tại Phần A và Phần B của Bảng tiêu chí.
- Tính điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng việc áp dụng các thang điểm quy định theo tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành đạt tiến độ, yêu cầu hoặc không hoàn thành. Một số nhiệm vụ tính điểm đạt được khi đơn vị hoàn thành đảm bảo yêu cầu cụ thể quy định tại các thang điểm tại Phần A và Phần B của Bảng tiêu chí. Một số trường hợp không thực hiện được thì tính 0 điểm.
- Khi xác định kết quả để áp dụng chấm điểm phải có tài liệu hoặc báo cáo về kết quả thực hiện để kiểm chứng.

#### ***1.2. Rà soát, thẩm định, tính tổng số điểm thi đua, dự kiến, trình xếp hạng Sở Tư pháp của Vụ Thi đua - Khen thưởng (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp)***

Trên cơ sở kết quả tổng số điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp, căn cứ kết luận của Lãnh đạo Bộ tại các cuộc họp, kết luận thanh tra, kiểm tra đối với địa phương và ý kiến chỉ đạo của tập thể Lãnh đạo Bộ về cơ cấu, số lượng xếp hạng Sở Tư pháp năm 2022, Vụ Thi đua - Khen thưởng (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp) tham mưu xây dựng dự kiến xếp hạng trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét; báo cáo Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp cho ý kiến; đề nghị Bộ trưởng xếp hạng năm 2022 đối với các Sở Tư pháp. Trong quá trình rà soát, tổng hợp

kết quả chấm điểm, dự kiến xếp hạng, nếu có sự chênh lệch giữa tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho Sở Tư pháp hoặc chênh lệch giữa điểm chấm của mỗi đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp theo chiều hướng thấp hơn thì Sở Tư pháp được giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng đối với những nội dung có sự chênh lệch để Bộ cân nhắc xem xét.

## **2. Cách tính điểm thi đua xét, đánh giá, xếp hạng Sở Tư pháp**

*Điểm xét, đánh giá, xếp hạng Sở Tư pháp bằng tổng điểm của các đơn vị thuộc Bộ chấm cho các Sở Tư pháp.*

Điểm tự chấm của Sở Tư pháp để đối chiếu, so sánh, tham khảo.

## **3. Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác**

Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/10/2022 và ước tính đến hết ngày 31/12/2022.

## **4. Thời gian gửi kết quả chấm điểm**

### **4.1. Thời gian gửi kết quả tự chấm điểm của Sở Tư pháp**

Kết quả điểm tự chấm của Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) đồng thời gửi về Khu vực thi đua trước *ngày 15 tháng 11 năm 2022*.

### **4.2. Thời gian gửi kết quả chấm điểm Sở Tư pháp của các đơn vị thuộc Bộ**

Kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp được gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua - Khen thưởng) trước *ngày 15 tháng 11 năm 2022*.

**Lưu ý:** Khi gửi kết quả chấm điểm, ngoài việc gửi theo đường công văn, Sở Tư pháp, các đơn vị thuộc Bộ đồng thời gửi file điện tử của kết quả chấm điểm (định dạng .xls hoặc .doc) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp: [thidukhenthuong@moj.gov.vn](mailto:thidukhenthuong@moj.gov.vn).

## **III. CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG**

### **1. Cơ cấu đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp**

Cơ cấu đánh giá, xếp hạng Sở Tư pháp năm 2022 gồm 04 mức hạng:

**1.1. Hạng Xuất sắc:** Lựa chọn các đơn vị đạt từ **195** điểm trở lên, có nhiều đổi mới, sáng tạo và đạt được kết quả nổi trội trong triển khai nhiệm vụ, tối đa không quá 50% tổng số đơn vị được chấm điểm, xếp hạng theo thứ tự từ điểm số cao đến điểm số thấp;

**1.2. Hạng Tốt:** Lựa chọn các đơn vị đạt từ **185** điểm đến dưới **195** điểm, có đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ và các đơn vị đạt từ **195** điểm trở lên nhưng không được xếp hạng Xuất sắc.

**1.3. Hạng Trung bình:** Xem xét các đơn vị đạt từ **175** điểm đến dưới **185** điểm; các đơn vị từ **185** điểm trở lên thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đơn vị mất đoàn kết nội bộ (phát sinh nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh trong nội bộ); đơn vị để xảy ra tình trạng tham ô, tham nhũng, lãng phí đã có kết luận thanh tra, kiểm tra.
- Đơn vị có công chức, viên chức, người lao động trực thuộc bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

**1.4. Hạng Yếu:** Các đơn vị đạt dưới **175** điểm; các đơn vị đạt từ **175** điểm trở lên có công chức, viên chức, người lao động trực thuộc bị khởi tố hình sự về hành vi trong quá trình thực thi công vụ.

Đối với các trường hợp Sở Tư pháp có công chức, viên chức, người lao động trực thuộc bị khởi tố hình sự về hành vi không liên quan đến quá trình thực thi công vụ thì hạ 01 bậc xếp hạng Sở Tư pháp so với mức xếp hạng dự kiến đạt được.

## **2. Lưu ý**

- Đối với các trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, làm rõ hoặc đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm thì sau khi có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền mới xem xét xếp hạng thi đua và xét khen thưởng.
- Kết quả xử lý kỷ luật chỉ được áp dụng một lần trong xem xét xếp hạng thi đua, khen thưởng.

## **IV. XÉT KHEN THƯỞNG**

Trên cơ sở kết quả đánh giá chấm điểm, xếp hạng thi đua đối với các đơn vị và căn cứ vào tỷ lệ được khen thưởng do Bộ Tư pháp quy định, các tiêu chuẩn đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, việc tổ chức bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng thực hiện cụ thể như sau:

### **1. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”**

Lựa chọn đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất trong số các đơn vị được đánh giá, xếp hạng Xuất sắc và được bình xét, suy tôn tại các Khu vực thi đua.

### **2. Đối với khen thưởng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”**

Xét tặng đối với các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc thuộc các Sở Tư pháp được đánh giá, xếp hạng từ mức Tốt trở lên.

Ngoài nguyên tắc trên, trường hợp đặc biệt do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

## **V. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

### **1. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm thi đua của đơn vị mình khách quan, chính xác, thực hiện đầy đủ thủ tục (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) gửi kết quả về Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp theo thời gian quy định.

### **2. Đơn vị thuộc Bộ Tư pháp**

Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp được giao giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về các lĩnh vực có tiêu chí chấm điểm thi đua đối với Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện chấm điểm thi đua các Sở Tư pháp đảm bảo chính xác, hiệu quả, gửi kết quả về Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp đúng tiến độ quy định.

### **3. Vụ Thi đua - Khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp**

Vụ Thi đua - Khen thưởng Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, rà soát, thẩm tra kết quả tự chấm điểm của các Sở Tư pháp và kết quả chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ cho Sở Tư pháp, dự kiến xếp hạng các Sở Tư pháp, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xem xét, báo cáo xin ý kiến của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp và trình Bộ trưởng quyết định; gửi kết quả xếp hạng về các Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày Bộ trưởng ký, ban hành.

#### **4. Khu vực thi đua**

Căn cứ kết quả tự chấm điểm của các Sở Tư pháp, kết quả kiểm tra chéo của Cụm thi đua, dự kiến đề nghị xếp hạng của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp, Khu vực thi đua tổ chức đánh giá và bình xét, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” đối với các Sở Tư pháp tại Hội nghị Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của các Khu vực thi đua năm 2022./.

**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2022***BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP HẠNG THI ĐUA SỞ TƯ PHÁP  
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2022***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 704/QĐ-BTP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

	<b>NỘI DUNG, CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ</b>	<b>ĐIỂM CHUẨN</b>	<b>TỔNG ĐIỂM CHẤM</b>	<b>GHI CHÚ (Lý do cụ thể, chênh lệch với điểm chuẩn)</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
<b>A</b>	<b>THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2022</b>	<b>150</b>		
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH ĐỀ NGHỊ VÀ DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ</b>	<b>15</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác xây dựng pháp luật, thẩm định đề nghị và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>11</b>		
<b>1.1</b>	<b><i>Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân)</i></b>	<b>2</b>		
	Thẩm định đạt 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ	2		
	Thẩm định đạt từ 95% đến dưới 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ	1.75		
	Thẩm định đạt từ 80% đến dưới 95% văn bản gửi đến đúng tiến độ	1.5		



	<i>Thẩm định đạt từ 70% đến dưới 80% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>1</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 60% đến dưới 70% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Thẩm định đạt dưới 60% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>0</i>		
<b>1.2</b>	<b><i>Thực hiện thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật</i></b>	<b><i>3</i></b>		
	<i>Thẩm định đạt 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>3</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 95% đến dưới 100% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>2.75</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 80% đến dưới 95% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>2.5</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 70% đến dưới 80% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>2</i>		
	<i>Thẩm định đạt từ 60% đến dưới 70% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Thẩm định đạt dưới 60% văn bản gửi đến đúng tiến độ</i>	<i>0</i>		
<b>1.3</b>	<b><i>Chủ trì soạn thảo trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i></b>	<b><i>3</i></b>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ 100% văn bản</i>	<i>3</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ từ 90% đến dưới 100% văn bản</i>	<i>2.75</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ từ 80% đến dưới 90% văn bản</i>	<i>2.5</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ từ 70% đến dưới 80% văn bản</i>	<i>2</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ từ 60% đến dưới 70% văn bản</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Soạn thảo, trình ban hành đúng tiến độ dưới 60% văn bản</i>	<i>1</i>		
<b>1.4</b>	<b><i>Lập danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP</i></b>	<b><i>1</i></b>		
	<i>Lập danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết</i>	<i>1</i>		
	<i>Không lập danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết</i>	<i>0</i>		

<b>1.5</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo về Chỉ số cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật</b>	<b>2</b>		
	Thực hiện chế độ báo cáo, gửi đúng tiến độ theo quy định	2		
	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, gửi chậm từ 1- 2 ngày làm việc so với quy định</i>	<i>1.75</i>		
	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, gửi chậm từ 3 -5 ngày làm việc so với quy định</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, gửi chậm 6-7 ngày làm việc so với quy định</i>	<i>1</i>		
	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, gửi chậm từ 8-10 ngày làm việc so với quy định</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Không thực hiện chế độ báo cáo</i>	<i>0</i>		
<b>2</b>	<b>Công tác pháp chế</b>	<b>4</b>		
<b>2.1</b>	<b>Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ pháp chế cho cán bộ pháp chế</b>	<b>2</b>		
<b>2.2</b>	<b>Kiểm tra công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và doanh nghiệp địa phương</b>	<b>2</b>		
<b>II</b>	<b>CÔNG TÁC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	<b>15</b>		
<b>1</b>	<b>Giúp UBND cấp tỉnh thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp tỉnh ban hành</b>	<b>3</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kết quả tự kiểm tra</b>	<b>1.5</b>		
	Tự kiểm tra đạt từ 90% đến 100% văn bản	1.5		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 80% đến dưới 90% văn bản</i>	<i>1.25</i>		
	<i>Tự kiểm tra đạt từ 70% đến dưới 80% văn bản</i>	<i>1</i>		
	<i>Tự kiểm tra đạt dưới 70% văn bản</i>	<i>0</i>		
<b>1.2</b>	<b>Chất lượng tự kiểm tra (phát hiện, tham mưu xử lý văn bản trái pháp luật qua tự kiểm tra văn bản)</b>	<b>1.5</b>		
	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) không kết luận văn bản có nội dung trái pháp luật hoặc có kết luận mà văn bản đó đã được cơ quan tự kiểm tra, phát hiện và kiến nghị xử lý theo quy định.	1.5		

	<i>Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) phát hiện, kết luận từ 01 đến 05 văn bản có nội dung trái pháp luật mà cơ quan tự kiểm tra không phát hiện ra.</i>	1		
	<i>Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) phát hiện, kết luận từ 06 đến 10 văn bản có nội dung trái pháp luật mà cơ quan tự kiểm tra không phát hiện ra.</i>	0.5		
	<i>Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) phát hiện, kết luận trên 10 văn bản có nội dung trái pháp luật mà cơ quan tự kiểm tra không phát hiện ra.</i>	0		
<b>2</b>	<b>Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền có hiệu quả (kiểm tra các văn bản nhận được thuộc thẩm quyền)</b>	<b>2</b>		
	Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 90% trở lên số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền	2		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 80% đến dưới 90% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	1.5		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt từ 70% đến dưới 80% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	1		
	<i>Kiểm tra theo thẩm quyền đạt dưới 70% số văn bản nhận được thuộc thẩm quyền</i>	0		
<b>3</b>	<b>Tham mưu kịp thời việc xử lý văn bản QPPL theo đúng quy định của pháp luật sau khi nhận được kết luận kiểm tra văn bản của cơ quan có thẩm quyền</b>	<b>2.5</b>		
	Tham mưu kịp thời	2.5		
	<i>Tham mưu không kịp thời</i>	1.5		
	<i>Không thực hiện</i>	0		
<b>4</b>	<b>Tổ chức thực hiện rà soát thường xuyên kịp thời, đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp</b>	<b>2</b>		

	Rà soát đầy đủ, kịp thời ngay sau khi có căn cứ rà soát	2		
	<i>Rà soát đầy đủ nhưng chưa kịp thời</i>	1.5		
	<i>Rà soát không đầy đủ, không kịp thời</i>	1		
	<i>Không thực hiện rà soát</i>	0		
<b>5</b>	<b>Tham mưu kịp thời công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực định kỳ hàng năm theo quy định</b>	<b>1.5</b>		
	Kịp thời công bố (chậm nhất ngày 31/01/2022)	1.5		
	<i>Công bố sau ngày 31/01 đến ngày 31/3/2022</i>	1.25		
	<i>Công bố sau ngày 31/3/2022</i>	1		
	<i>Không công bố</i>	0		
<b>6</b>	<b>Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời yêu cầu của Bộ Tư pháp trong kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn</b>	<b>2</b>		
	Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời	2		
	<i>Thực hiện đầy đủ, chính xác nhưng không kịp thời</i>	1.75		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, nhưng chính xác, kịp thời</i>	1.5		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, không chính xác, không kịp thời hoặc không thực hiện</i>	0		
<b>7</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL gồm: công tác thể chế, cơ sở dữ liệu, công tác phối hợp, tổ chức, biên chế, kinh phí, tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ này tại cấp huyện, cấp xã)</b>	<b>2</b>		
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời	2		
	<i>Thực hiện không đầy đủ, không kịp thời</i>	1.5		
	<i>Không thực hiện nhiệm vụ</i>	0		

<b>III</b>	<b>CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT, HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ, XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT</b>	<b>15</b>		
<b>1</b>	<b>Chỉ đạo, hướng dẫn về phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>	<b>1.75</b>		
<b>1.1</b>	<i>Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Luật PBGDPL, Luật Hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</i>	<i>1</i>		
	Ban hành Kế hoạch chậm nhất ngày 31/01/2022	1		
	Ban hành Kế hoạch từ ngày 01/02/2022 đến ngày 28/02/2022	0.5		
	Không ban hành Kế hoạch hoặc ban hành sau ngày 28/02/2022	0		
<b>1.2</b>	<i>Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và xây dựng các mô hình điểm, cách làm có hiệu quả về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên phạm vi toàn tỉnh/thành phố</i>	<i>0.75</i>		
<b>2</b>	<b>Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>5.25</b>		
<b>2.1</b>	<i>Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i>	<i>1.5</i>		
a	Tham mưu ban hành Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh năm 2022	0.5		
b	Tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn truyền thông chính sách, pháp luật có tác động lớn đến xã hội và các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội; chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL	0.5		
c	Tham mưu tổ chức đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh theo Quy chế hoạt động của Hội đồng	0.25		
d	Tham mưu tổ chức các hoạt động kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp tỉnh theo kế hoạch năm 2022 đã ban hành	0.25		

<b>2.2</b>	<b><i>Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật</i></b>	<b>1</b>		
a	Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức tổng kết 10 năm Luật PBGDPL	0.5		
b	Ban hành Báo cáo tổng kết theo đúng hướng dẫn của Bộ Tư pháp (đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn gửi báo cáo)	0.5		
<b>2.3</b>	<b><i>Tổ chức triển khai Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2022 theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và đặc thù của địa phương</i></b>	<b>0.75</b>		
a	Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2022	0.25		
b	Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam bằng các hình thức cụ thể, phù hợp theo hướng dẫn	0.5		
<b>2.4</b>	<b><i>Thực hiện quản lý nhà nước đối với đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật</i></b>	<b>0.5</b>		
a	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật bằng hình thức phù hợp hoặc cung cấp tài liệu pháp luật phục vụ hoạt động của đội ngũ này	0.25		
b	Chỉ đạo, hướng dẫn việc rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo quy định	0.25		
<b>2.5</b>	<b><i>Triển khai nhiệm vụ trên Cổng/Trang thông tin điện tử về phổ biến, giáo dục pháp luật</i></b>	<b>1.5</b>		
a	Vận hành, cập nhật, đăng tải tài liệu, tin, bài về PBGDPL hàng tuần trên Cổng/Trang Thông tin điện tử hoặc chuyên mục về PBGDPL do Sở Tư pháp chủ trì vận hành, quản lý	0.5		
b	Thông tin, dữ liệu về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được cập nhật trên Cổng/Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật của địa phương	0.5		

c	Tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật hoặc các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng mạng xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật	0.5		
<b>3</b>	<b>Công tác hòa giải ở cơ sở</b>	<b>4</b>		
<b>3.1</b>	<b><i>Triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở, Quyết định số 428/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022”</i></b>	<b>3</b>		
a	Tổ chức tập huấn hoặc cung cấp tài liệu cho đội ngũ tập huấn viên cấp huyện bằng các hình thức phù hợp	0.75		
b	Tổ chức tập huấn hoặc cung cấp tài liệu cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở bằng các hình thức phù hợp	0.75		
c	Tổ chức thực hiện hoạt động chỉ đạo điểm theo Quyết định số 428/QĐ-TTg và Công văn số 2209/BTP-PBGDPL ngày 17/6/2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện Quyết định số 428/QĐ-TTg	1		
d	Tổ chức tổng kết thực hiện Đề án bằng hình thức phù hợp ban hành Báo cáo tổng kết theo đúng hướng dẫn của Bộ Tư pháp (đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn gửi Báo cáo)	0.5		
<b>3.2</b>	<b><i>Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc rà soát, kiện toàn tổ hòa giải và hòa giải viên ở cơ sở</i></b>	<b>1</b>		
a	Chỉ đạo, hướng dẫn rà soát, kiện toàn tổ hòa giải và hòa giải viên ở cơ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố	0.5		
b	Kiểm tra việc rà soát, kiện toàn tổ hòa giải và hòa giải viên ở cơ sở	0.5		
<b>4</b>	<b>Công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>	<b>4</b>		
<b>4.1</b>	<b><i>Tổ chức tập huấn, phổ biến các quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bằng hình thức phù hợp</i></b>	<b>1</b>		
<b>4.2</b>	<b><i>Tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ tại mục 1.2 và 2.3 Quyết định số 36/QĐ-BTP ngày 12/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn</i></b>	<b>2</b>		

	<i>tiếp cận pháp luật năm 2022; Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch của UBND cấp tỉnh (Kế hoạch triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022)</i>			
4.3	<i>Tham mưu, hướng dẫn, đề xuất các giải pháp duy trì kết quả xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hỗ trợ cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.</i>	1		
<b>IV</b>	<b>CÔNG TÁC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ</b>	<b>15</b>		
<b>1.</b>	<b>Thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng</b>	<b>3</b>		
<b>1.1</b>	<b>Xây dựng Kế hoạch phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng tại địa phương</b>	<b>1.5</b>		
	Có xây dựng	1.5		
	Không xây dựng	0		
<b>1.2</b>	<b>Xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tổ tụng tại địa phương và tổ chức kiểm tra theo đúng tiến độ của Kế hoạch</b>	<b>1.5</b>		
	Xây dựng Kế hoạch và kiểm tra đúng thời hạn theo Kế hoạch	1.5		
	Xây dựng Kế hoạch nhưng kiểm tra không đúng thời hạn (trừ trường hợp bất khả kháng)	0.5		
	Không xây dựng Kế hoạch kiểm tra	0		
<b>2</b>	<b>Trợ giúp viên pháp lý hoàn thành chỉ tiêu vụ việc tham gia tổ tụng năm 2022 tại Công văn số 5008 /BTP-TGPL ngày 31/12/2021. Trong đó:</b>	<b>4.5</b>		
	100% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tổ tụng trong đó có từ 50% tổng số trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đạt chỉ tiêu từ khá trở lên	4.5		
	100% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tổ tụng trong đó có dưới 50% tổng số trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm đạt chỉ tiêu từ khá trở lên	3		



	<i>70% số trợ giúp viên pháp lý trở lên đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng</i>	2.5		
	<i>50% đến dưới 70% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng</i>	1.5		
	<i>Dưới 50% số trợ giúp viên pháp lý đạt chỉ tiêu tham gia tố tụng hoặc có trợ giúp viên pháp lý không thực hiện vụ việc tham gia tố tụng nào</i>	0		
<b>3</b>	<b>Nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý</b>	<b>3.5</b>		
<b>3.1</b>	<b><i>Khiếu nại về vụ việc trợ giúp pháp lý từ người được trợ giúp pháp lý</i></b>	<b>1.5</b>		
	<i>Không có khiếu nại về vụ việc trợ giúp pháp lý từ người được trợ giúp pháp lý hoặc có khiếu nại nhưng khiếu nại không đúng theo quy định Luật TGPL năm 2017.</i>	1.5		
	<i>Có khiếu nại về vụ việc trợ giúp pháp lý từ người được trợ giúp pháp lý theo đúng quy định của pháp luật.</i>	0		
<b>3.2</b>	<b><i>Đánh giá và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP</i></b>	<b>2</b>		
	<i>Thực hiện đánh giá và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP</i>	2		
	<i>Không thực hiện đánh giá và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP</i>	0		
<b>4</b>	<b>Cập nhật vụ việc; đăng tải danh sách người, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý</b>	<b>4</b>		
<b>4.1</b>	<b><i>Sử dụng Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý để tổng hợp số liệu, thông kê phục vụ công tác báo cáo, thông kê theo quy định</i></b>	<b>2</b>		
	<i>Số liệu vụ việc trợ giúp pháp lý cập nhật trên Hệ thống và số liệu Báo cáo chính thức gửi về Bộ chênh lệch dưới 10%, trong đó dữ liệu nhập có đầy đủ hồ sơ và thông tin vụ việc tham gia tố tụng hiệu quả, thành công, đánh giá chất lượng, thẩm định chất lượng (nếu có).</i>	2		

	Số liệu vụ việc trợ giúp pháp lý cập nhật trên Hệ thống và số liệu Báo cáo chính thức gửi về Bộ chênh lệch từ 10% đến dưới 20%, trong đó dữ liệu nhập có đầy đủ hồ sơ và thông tin vụ việc tham gia tố tụng hiệu quả, thành công, đánh giá chất lượng, thẩm định chất lượng (nếu có)	1.5		
	Số liệu vụ việc trợ giúp pháp lý cập nhật trên Hệ thống và số liệu Báo cáo chính thức gửi về Bộ chênh lệch từ 20% đến dưới 50%, trong đó dữ liệu nhập có đầy đủ hồ sơ và thông tin vụ việc tham gia tố tụng hiệu quả, thành công, đánh giá chất lượng, thẩm định chất lượng (nếu có)	1		
	Số liệu vụ việc trợ giúp pháp lý cập nhật trên Hệ thống và số liệu Báo cáo chính thức gửi về Bộ chênh lệch từ 50% trở lên, trong đó dữ liệu nhập có đầy đủ hồ sơ và thông tin vụ việc tham gia tố tụng hiệu quả, thành công, đánh giá chất lượng, thẩm định chất lượng (nếu có)	0		
4.2	<b><i>Đăng tải Danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn và cập nhật danh sách khi có sự thay đổi theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý</i></b>	2		
	Cập nhật và đăng tải chính xác, đầy đủ, kịp thời danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn	2		
	<i>Có cập nhật, đăng tải nhưng chưa chính xác, đầy đủ, kịp thời danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn</i>	1		
	<i>Không thực hiện cập nhật, đăng tải danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn</i>	0		
<b>V</b>	<b>CÔNG TÁC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC</b>	<b>15</b>		
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực hộ tịch</b>	<b>5.5</b>		
<b>1.1</b>	<b><i>Thực hiện nhiệm vụ quản lý trong lĩnh vực hộ tịch tại địa phương</i></b>	<b>4.5</b>		
a	Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ	0.5		

	tịch trực tuyến, Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (quản trị, tuyên truyền, chỉ đạo, có các văn bản về việc triển khai, hướng dẫn thực hiện Thông tư)			
b	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực hộ tịch được giao theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, Quyết định số 149/QĐ-BTP ngày 28/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 6/01/2022 của Thủ tướng Chính, bảo đảm đúng tiến độ.	1		
c	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký hộ tịch, tháo gỡ khó khăn vướng mắc từ cơ sở	1		
d	Xây dựng kế hoạch tổ chức, thực hiện thanh tra, kiểm tra việc đăng ký, quản lý hộ tịch theo đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.	0.5		
e	Không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong việc thực hiện đăng ký hộ tịch tại các cơ quan đăng ký hộ tịch	1.5		
	<i>Không có sai phạm ở mức độ nghiêm trọng hoặc xảy ra ở nhiều địa bàn theo Kết luận kiểm tra, thanh tra</i>	0.5		
	<i>Không có khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc đăng ký hộ tịch trái quy định</i>	0.5		
	<i>Không có phản ánh, kiến nghị của báo chí, công dân (có cơ sở) về thái độ tiếp công dân không đúng mực, có biểu hiện sách nhiễu, phiền hà, không giải thích, hướng dẫn cụ thể cho người dân</i>	0.5		
1.2	<b>Chủ động xử lý thông tin báo chí, phối hợp thực hiện công tác báo cáo kịp thời, đúng thời hạn theo yêu cầu</b>	1		
	Chủ động xử lý thông tin báo chí (nếu có), phối hợp thực hiện công tác báo cáo kịp thời, đúng thời hạn theo yêu cầu	1		
	<i>Có kiểm tra, xử lý nhưng không đúng thời hạn</i>	0.75		

	<i>Đề đơn đốc nhiều lần mới kiểm tra, xử lý</i>	0.5		
	<i>Không kiểm tra, xử lý, báo cáo theo yêu cầu</i>	0		
<b>2.</b>	<b>Lĩnh vực quốc tịch</b>	<b>4</b>		
<b>2.1</b>	<b><i>Tiếp nhận đúng thẩm quyền và tham mưu giải quyết đúng trình tự, thủ tục xin nhập, xin thôi, xin trở lại quốc tịch Việt Nam; xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, xin cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (đảm bảo tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, thời hạn giải quyết)</i></b>	<b>1</b>		
	<i>Giải quyết không đúng trình tự, thủ tục, quá thời hạn giải quyết; hồ sơ xin nhập/thôi/trở lại quốc tịch Việt Nam gửi đến Bộ Tư pháp không đầy đủ theo quy định, Bộ/Cục phải có văn bản yêu cầu bổ sung hoặc trả lại hồ sơ</i>			
	<i>Có từ 02-03 hồ sơ</i>	0.75		
	<i>Có từ 04-05 hồ sơ</i>	0.5		
	<i>Từ 06 hồ sơ trở lên</i>	0		
<b>2.2</b>	<b><i>Không để xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) của người dân liên quan đến vấn đề quốc tịch trong phạm vi quản lý</i></b>	<b>1</b>		
	<i>Để xảy ra 01 vụ việc</i>	0.5		
	<i>Để xảy ra từ 02 vụ việc trở lên</i>	0		
<b>2.3</b>	<b><i>Triển khai đầy đủ, đúng thời hạn các nhiệm vụ theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc</i></b>	<b>1</b>		
	<i>Các nhiệm vụ thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn và đạt kết quả tốt</i>	1		
	<i>Tổ chức triển khai thực hiện không đúng thời hạn</i>	0.5		
	<i>Không tổ chức triển khai thực hiện</i>	0		
<b>2.4</b>	<b><i>Chăm điểm đặc thù trong lĩnh vực quốc tịch</i></b>	<b>1</b>		

<b>a</b>	Áp dụng đối với các tỉnh tham gia thực hiện Tiêu Đề án 2 (An Giang, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bình Phước, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Cà Mau, Đồng Nai, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bình Dương)	1		
	Phối hợp Công an tỉnh triển khai có hiệu quả <i>Tiểu Đề án 2 “Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước”</i> trong việc cấp Thẻ thường trú cho những người đủ điều kiện và kịp thời đăng ký khai sinh cho trẻ em là con của người dân di cư tự do về Việt Nam cho những người đủ điều kiện.	1		
	<i>Chậm triển khai thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đảm bảo chất lượng một trong những nhiệm vụ nêu trên.</i>	0.5		
	<i>Không triển khai thực hiện một trong những nhiệm vụ nêu trên</i>	0		
<b>b</b>	Áp dụng đối với các tỉnh không tham gia thực hiện Tiêu Đề án 2	1		
	Chủ động nghiên cứu văn bản pháp luật quốc tịch để giải quyết kịp thời các yêu cầu về quốc tịch	1		
<b>3</b>	<b>Lĩnh vực chứng thực</b>	<b>5.5</b>		
<b>3.1</b>	<b><i>Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng thực tại địa phương</i></b>	<b>4</b>		
a	Chủ động hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực, tháo gỡ khó khăn vướng mắc từ cơ sở, không để tình trạng đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ vượt cấp	1		
b.	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác chứng thực tại địa phương	1.0		
c.	Tổ chức tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác chứng thực tại địa phương	0.5		
c	Không có sai phạm, vi phạm pháp luật trong thực hiện chứng thực tại địa phương	1.5		
	<i>Không có cán bộ, công chức vi phạm pháp luật trong thực hiện chứng thực (có kết luận kiểm tra, thanh tra về sai phạm)</i>	0.5		

	<i>Không có khiếu nại, tố cáo (có cơ sở) về việc chứng thực trái quy định</i>	0.5		
	<i>Không có phản ánh, kiến nghị của báo chí, công dân (có cơ sở) về thái độ tiếp công dân không đúng mực, biểu hiện sách nhiễu, phiền hà</i>	0.5		
<b>3.2</b>	<b>Chủ động xử lý thông tin báo chí kịp thời</b>	<b>1.5</b>		
	<i>Có kiểm tra, xử lý nhưng không kịp thời, đúng thời hạn</i>	1		
	<i>Đề đơn đốc nhiều lần mới kiểm tra, xử lý</i>	0.5		
	<i>Không kiểm tra, xử lý</i>	0		
<b>VI</b>	<b>CÔNG TÁC BỒ TRỢ TƯ PHÁP</b>	<b>20</b>		
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực luật sư, tư vấn pháp luật</b>	<b>5</b>		
1.1	Thực hiện đầy đủ và đảm bảo đúng quy định về quy trình tiếp nhận, kiểm tra và chuyển hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư, Nghị định 137/2018/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		
1.2	Thực hiện đầy đủ quy định về đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân tại địa phương và có văn bản thông báo Bộ Tư pháp về việc đăng ký hoạt động	0.5		
1.3	Thực hiện công tác tham mưu cho UBND cấp tỉnh, phối hợp với các sở, ngành địa phương theo dõi tình hình đăng ký và quản lý hoạt động đối với ngành nghề tư vấn pháp luật, dịch vụ pháp lý và có văn bản thông báo Bộ Tư pháp về việc đăng ký; báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tư pháp	0.5		
1.4	Có Kế hoạch và triển khai công tác kiểm tra về tổ chức và hoạt động luật sư để bảo đảm hoạt động của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh, thành phố theo đúng quy định của pháp luật; có văn bản báo cáo kết quả cụ thể hoặc Kết luận kiểm tra gửi Bộ Tư pháp.	0.5		
1.5	Giải quyết 100% các khiếu nại, tố cáo (nếu có) hoặc không phát sinh khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư tại địa phương	0.5		

1.6	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai kết luận số 69-KL/TW ngày 24/02/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 30/3/2009 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư và có báo cáo gửi về Bộ Tư pháp về kết quả thực hiện	1		
1.7	Thực hiện các giải pháp khác để quản lý hiệu quả hoạt động hành nghề luật sư tại địa phương và có giải pháp hỗ trợ sự phát triển nghề luật sư tại địa phương	0.5		
1.8	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh, thực hiện có hiệu quả Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ về tư vấn pháp luật, trong đó, tập trung xây dựng chính sách, triển khai biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương và thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền	0.5		
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực công chứng, thừa phát lại</b>	<b>6</b>		
2.1	Tiếp tục tham mưu giúp UBND cấp tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng	1		
2.2	Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp trong quản lý nhà nước về tập sự hành nghề công chứng	0.5		
2.3	Tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ và đề nghị Bộ Tư pháp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên	0.5		
2.4	Cập nhật thông tin lên phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tổ chức và hoạt động công chứng	0.5		
2.5	Chấp hành chế độ báo cáo, xử lý thông tin báo chí, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức và hoạt động công chứng; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về hoạt động công chứng.	1		

2.6	Tham mưu giúp UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị định số 08/2020/NĐ-CP và phát triển Văn phòng Thừa phát lại ở địa phương	1		
2.7	Tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ và đề nghị Bộ Tư pháp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm thừa phát lại; cập nhật, công bố danh sách Thừa phát lại, danh sách Văn phòng Thừa phát lại trên cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp.	0.5		
2.8	Chấp hành chế độ báo cáo, xử lý thông tin báo chí, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức và hoạt động thừa phát lại; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về hoạt động thừa phát lại.	1		
<b>3</b>	<b>Lĩnh vực đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên, hòa giải thương mại</b>	<b>5</b>		
3.1	Tham mưu cho UBND triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản	1.5		
3.2	Giúp UBND thực hiện có hiệu quả việc quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực đấu giá tài sản, Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, trọng tài, hòa giải thương mại (nếu có)	1		
3.3	Thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Tư pháp về hoạt động đấu giá tài sản, Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, trọng tài, hòa giải thương mại (nếu có) tại địa phương	1		
3.4	Công bố, cập nhật danh sách đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản trên trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và gửi cho Bộ Tư pháp	0.5		
3.5	Công bố, cập nhật danh sách quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Bộ Tư pháp công bố (nếu có)	0.5		
3.6	Công bố, cập nhật danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, danh sách tổ chức hòa giải thương mại, Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước	0.5		



	ngoài tại địa phương (nếu có); đề xuất giải pháp phát triển hoạt động hòa giải thương mại, trọng tài tại địa phương (nếu có)			
<b>4</b>	<b>Lĩnh vực giám định tư pháp</b>	<b>3</b>		
4.1	Củng cố, phát triển đội ngũ cá nhân, tổ chức giám định tư pháp tại địa phương: - Rà soát, đổi mới việc bổ nhiệm giám định viên tư pháp; công nhận tổ chức, người giám định tư pháp theo vụ việc đảm bảo chất lượng, gắn với nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tố tụng tại địa phương. - Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp lý và nghiệp vụ giám định tư pháp theo Luật và các văn bản hướng dẫn cho đội ngũ giám định viên tư pháp và người tiến hành tố tụng tại địa phương.	1		
4.2	Tham mưu các biện pháp kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định tư pháp; tăng cường, bảo đảm thông tin, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan chuyên môn và cơ quan tiến hành tố tụng cùng cấp trong tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp tại địa phương.	0.5		
4.3	Tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh đánh giá công tác giám định tư pháp tại địa phương; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động giám định tư pháp tại địa phương.	0.5		
4.4	Kiểm tra, thanh tra tình hình tổ chức, hoạt động, quản lý nhà nước ở địa phương; kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm về giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương	0.5		
4.5	Báo cáo về tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp tại địa phương	0.5	Trưởng hợp địa phương góp chung	

			<p>phần Báo cáo về giám định tư pháp vào Báo cáo công tác tư pháp gửi Bộ Tư pháp thì cần bảo đảm các thông tin, số liệu, đánh giá với các nội dung chính như sau: (1) tình hình tổ chức và hoạt động giám định tư pháp; (2) công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp; (3) khó khăn, vướng mắc về tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp, đề xuất, kiến nghị (Gửi kèm theo phụ lục số liệu cụ thể về tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp tại địa phương).</p>	
--	--	--	---	--

5	<b>Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tại địa phương</b>	1		
VII	<b>CÔNG TÁC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT</b>	15		
1	<b>Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính</b>	7.5		
1.1	<b><i>Kiểm tra về công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính hoặc trong từng lĩnh vực trọng tâm</i></b>	2		
	Tổ chức kiểm tra về công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính hoặc trong từng lĩnh vực trọng tâm	2		
	<i>Không tổ chức kiểm tra</i>	0		
1.2	<b><i>Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</i></b>	1.5		
	Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và/hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tư pháp	1.5		
	<i>Tham mưu xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và/hoặc góp ý văn bản quy phạm pháp luật không đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</i>	0.5		
	<i>Không thực hiện khi có yêu cầu</i>	0		
1.3	<b><i>Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính</i></b>	2		
	Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính	2		
	<i>Tổ chức phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính</i>	1		
	<i>Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính</i>	1		

	<i>Không thực hiện phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính</i>	0		
<b>1.4</b>	<b><i>Tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021</i></b>	<b>2</b>		
	Ban hành báo cáo kịp thời (trước ngày 20/01/2022) và có số liệu đầy đủ, chính xác theo quy định	2		
	<i>Ban hành báo cáo không kịp thời (từ ngày 20/01/2022 trở đi) hoặc số liệu không đầy đủ, không chính xác theo quy định</i>	1		
	<i>Không ban hành báo cáo</i>	0		
<b>2</b>	<b>Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật</b>	<b>7.5</b>		
<b>2.1</b>	<b><i>Tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022</i></b>	<b>2</b>		
	Ban hành Kế hoạch trước ngày 30/01/2022	2		
	<i>Ban hành Kế hoạch từ ngày 30/01/2022 trở đi</i>	1		
	<i>Không ban hành Kế hoạch</i>	0		
<b>2.2</b>	<b><i>Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i></b>	<b>1.5</b>		
	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1.5		
	<i>Không thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i>	0		
<b>2.3</b>	<b><i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật</i></b>	<b>2</b>		
	Tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật	2		
	<i>Không tổ chức kiểm tra</i>	0		
<b>2.4</b>	<b><i>Tham mưu UBND cấp tỉnh thực hiện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2021</i></b>	<b>2</b>		
	Ban hành báo cáo kịp thời (trước ngày 11/12/2021) và có số liệu đầy đủ theo quy định	2		

	<i>Ban hành báo cáo không kịp thời (từ ngày 11/12/2021 trở đi) hoặc số liệu không đầy đủ theo quy định</i>	1		
	<i>Không ban hành báo cáo</i>	0		
<b>VIII</b>	<b>ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>	<b>10</b>		
<b>1</b>	<b>Ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Tư pháp năm 2022</b>	<b>2</b>		
	Có ban hành	2		
	<i>Không ban hành</i>	0		
<b>2</b>	<b>Cập nhật, rà soát văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP (Đảm bảo Cơ sở dữ liệu đã được tích hợp trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b>	<b>5</b>		
<b>2.1</b>	<b>Có áp dụng chữ ký số để xác thực các văn bản trên CSDL</b>	<b>1</b>		
	Áp dụng chữ ký số để xác thực tất cả các văn bản trên CSDL	1		
	<i>Có áp dụng chữ ký số đối với văn bản trên CSDL nhưng chưa đầy đủ</i>	0.5		
	<i>Không áp dụng chữ ký số đối với tất cả văn bản trên CSDL</i>	0		
<b>2.2</b>	<b>Cập nhật văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP</b>	<b>2</b>		
<b>a</b>	Cập nhật đảm bảo chính xác, đầy đủ các trường thông tin theo quy định tại Điều 3 và Điều 14 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP	1		
	<i>Có cập nhật văn bản nhưng không đảm bảo đầy đủ các trường thông tin theo quy định tại Điều 3 và Điều 14 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP</i>	0.5		
<b>b</b>	Cập nhật đảm bảo đúng thời hạn cập nhật theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP	1		
	<i>Có cập nhật văn bản nhưng không đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP</i>	0.5		
<b>c</b>	Không cập nhật	0		

2.3	<b>Rà soát, bổ sung văn bản còn thiếu và hiệu lực văn bản QPPL lên CSDL quốc gia về pháp luật</b>	2		
a	Rà soát, cập nhật bổ sung đầy đủ văn bản và hiệu lực toàn bộ các văn bản QPPL được ban hành trong năm 2022	1		
	<i>Rà soát, cập nhật bổ sung văn bản và hiệu lực các văn bản QPPL được ban hành trong năm 2022 nhưng chưa đầy đủ</i>	0.5		
b	Rà soát, cập nhật bổ sung đầy đủ văn bản và hiệu lực toàn bộ các văn bản QPPL theo Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương năm 2021	1		
	<i>Rà soát, cập nhật bổ sung văn bản và hiệu lực các văn bản QPPL theo Quyết định công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương năm 2021 nhưng chưa đầy đủ</i>	0.5		
c	Không rà soát, cập nhật bổ sung văn bản và hiệu lực văn bản QPPL trên CSDL quốc gia về pháp luật	0		
<b>3</b>	<b>Gửi nhận văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia</b>	<b>3</b>		
a	Tỷ lệ văn bản của Sở Tư pháp gửi cho Bộ Tư pháp qua Trục liên thông văn bản Quốc gia có chữ ký số theo quy định trên tổng số văn bản của Sở Tư pháp gửi cho Bộ Tư pháp	1.5		
	Đạt trên 95%	1.5		
	<i>Từ 75% đến 95%</i>	1		
	<i>Từ 50% đến dưới 75%</i>	0.5		
	<i>Dưới 50%</i>	0		
b	Tỷ lệ văn bản của Bộ Tư pháp gửi qua Trục liên thông văn bản Quốc gia được Sở Tư pháp tiếp nhận và phản hồi trạng thái trên tổng số văn bản của Bộ Tư pháp	1.5		

	<i>Đạt trên 95%</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Từ 75% đến 95%</i>	<i>1</i>		
	<i>Từ 50% đến dưới 75%</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Dưới 50%</i>	<i>0</i>		
<b>IX</b>	<b>NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KHÁC</b>	<b>30</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác bồi thường nhà nước</b>	<b>5</b>		
<b>1.1</b>	<b><i>Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện công tác bồi thường nhà nước</i></b>	<b><i>1</i></b>		
	Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước hoặc lồng ghép vào kế hoạch công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền bảo đảm đầy đủ, đúng nội dung theo quy định của Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành	1		
	<i>Không tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước</i>	<i>0</i>		
<b>1.2</b>	<b><i>Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, về trách nhiệm bồi thường nhà nước; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương</i></b>	<b><i>0.5</i></b>		
	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước bằng hình thức phù hợp với diễn biến dịch bệnh tại địa phương	0.5		
	<i>Không tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường nhà nước; bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương</i>	<i>0</i>		
<b>1.3</b>	<b><i>Công tác hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương</i></b>	<b><i>0.5</i></b>		
	Chủ động, kịp thời hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương khi phát sinh yêu cầu (Trường hợp không phát sinh yêu cầu, Sở Tư pháp được chấm tối đa đối với tiêu chí này)	0.5		

	<i>Không thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước tại địa phương khi phát sinh yêu cầu</i>	0		
<b>1.4</b>	<b><i>Công tác hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường</i></b>	<b>0.5</b>		
	Chủ động, kịp thời hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường khi phát sinh yêu cầu (Trường hợp không phát sinh yêu cầu, Sở Tư pháp được chấm tối đa đối với tiêu chí này)	0.5		
	<i>Không thực hiện hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường khi phát sinh yêu cầu</i>	0		
<b>1.5</b>	<b><i>Thực hiện công tác theo dõi, đôn đốc bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật</i></b>	<b>0.5</b>		
	Thực hiện đầy đủ và kịp thời việc theo dõi, đôn đốc bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật; lập danh mục vụ việc giải quyết bồi thường việc giải quyết bồi thường hằng năm và thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV	0.5		
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc theo dõi, đôn đốc, chi trả bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật; lập danh mục vụ việc giải quyết bồi thường việc giải quyết bồi thường hằng năm và thực hiện Nghị quyết số 134/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV</i>	0		
<b>1.6</b>	<b><i>Thực hiện công tác kiểm tra (định kỳ, đột xuất), thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi địa phương quản lý</i></b>	<b>0.5</b>		
	Thực hiện đầy đủ việc kiểm tra (định kỳ, đột xuất) công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi quản lý hoặc lồng ghép kiểm tra công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động kiểm tra công tác tư pháp và công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước	0.5		
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc kiểm tra (định kỳ, đột xuất) công tác bồi thường nhà nước và công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước</i>	0		



<b>1.7</b>	<b><i>Tham gia giải quyết bồi thường đối với các vụ việc giải quyết bồi thường của cơ quan thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước;</i></b>	<b>1</b>		
	Tham gia đầy đủ việc xác minh thiệt hại (khi có yêu cầu) và thương lượng giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước (STP được chấm điểm tối đa đối với trường hợp địa phương không phát sinh vụ việc giải quyết bồi thường)	1		
	<i>Không tham gia việc xác minh thiệt hại (khi có yêu cầu) và thương lượng giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước</i>	0		
<b>1.8</b>	<b><i>Công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và tham gia giải quyết bồi thường</i></b>	<b>0.5</b>		
	Chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương thực hiện công tác bồi thường nhà nước thông qua hình thức họp liên ngành hoặc trao đổi bằng văn bản khi có phát sinh nội dung cần phối hợp theo quy định của pháp luật; Cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại cử đại diện tham gia thương lượng đúng quy định pháp luật	0.5		
	<i>Không thực hiện việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương thực hiện công tác bồi thường nhà nước thông qua hình thức họp liên ngành hoặc trao đổi bằng văn bản khi có phát sinh nội dung cần phối hợp theo quy định của pháp luật; Cử đại diện tham gia xác minh thiệt hại cử đại diện tham gia thương lượng đúng quy định pháp luật</i>	0		
<b>2</b>	<b>Công tác Lý lịch tư pháp</b>	<b>10</b>		
<b>2.1</b>	<b><i>Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương</i></b>	<b>1.5</b>		
a	Bảo đảm các văn bản và ý kiến chỉ đạo của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp được triển khai đúng thời hạn	1		
b	Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Lý lịch tư pháp tại địa phương	0.5		

2.2	<b>Thực hiện nhiệm vụ cấp Phiếu lý lịch tư pháp</b>	3.25		
a	Bảo đảm thực hiện đúng trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp	0.5		
b	Thực hiện cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến	0.25		
c	Thực hiện tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo Quy chế phối hợp số 02/QCPH-TTLLTPQG-C53 ngày 29/6/2018 của Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia, Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát về phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp	1		
	Bảo đảm 100% hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lịch tư pháp thực hiện tra cứu, xác minh theo Quy chế phối hợp số 02	1		
	<i>Dưới 100% hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lịch tư pháp thực hiện tra cứu, xác minh theo Quy chế phối hợp số 02</i>	0		
d	Bảo đảm thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp	1.5		
	<i>Bảo đảm từ 95% Phiếu lý lịch tư pháp trở lên được cấp đúng hoặc sớm thời hạn</i>	1.5		
	<i>Bảo đảm từ 90% đến dưới 95% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng hoặc sớm thời hạn</i>	1		
	<i>Bảo đảm từ 80% đến dưới 90% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng hoặc sớm thời hạn</i>	0.5		
	<i>Bảo đảm từ 70% đến dưới 80% Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng hoặc sớm thời hạn</i>	0.25		
	<i>Dưới 70 % Phiếu lý lịch tư pháp được cấp đúng hoặc sớm thời hạn</i>	0		
2.3	<b>Thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định của pháp luật</b>	3.25		
a	Thực hiện tốt việc vào sổ tiếp nhận thông tin do các cơ quan các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	1		
	Thực hiện việc tiếp nhận từ 80% trở lên thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp	1		

	<i>Thực hiện việc tiếp nhận từ 50% đến dưới 80% thông tin do các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp</i>	0.5		
	<i>Thực hiện việc tiếp nhận dưới 50% thông tin do các cơ quan các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp</i>	0.25		
b	Thực hiện tốt việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào phần mềm quản lý lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp (về mặt số lượng)	1		
	Thực hiện từ 80% trở lên việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp	1		
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp</i>	0.5		
	<i>Thực hiện dưới 50% việc lập lý lịch tư pháp và cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung vào Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp</i>	0.25		
c	Thực hiện cung cấp bản lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng thời hạn quy định	1		
	<i>Thực hiện việc cung cấp bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng thời hạn quy định</i>	0.5		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 80% trở lên bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.5		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 50% đến 80% trở lên bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.25		
	<i>Thực hiện cung cấp dưới 50% bản lý lịch tư pháp lập được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0		

	Thực hiện việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đúng thời hạn quy định	0.5		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 80% trở lên thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.5		
	<i>Thực hiện cung cấp từ 50% đến dưới 80% thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.25		
	<i>Thực hiện cung cấp dưới 50% thông tin lý lịch tư pháp bổ sung cập nhật được cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0		
d	Thực hiện đúng quy định, thời hạn trong việc phối hợp rà soát thông tin lý lịch tư pháp	0.25		
	<i>Trả lời đúng quy định, thời hạn đối với công văn rà soát thông tin lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0.25		
	<i>Trả lời không đúng quy định, thời hạn đối với công văn rà soát thông tin lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia</i>	0		
<b>2.4</b>	<b>Đảm bảo chất lượng lập lý lịch tư pháp đúng quy định</b>	<b>2</b>		
	Tỷ lệ bản LLTP do STP gửi năm 2022 được Trung tâm kiểm tra có sai sót dưới 0,5 %	2		
	<i>Tỷ lệ bản LLTP do STP gửi năm 2022 được Trung tâm kiểm tra có sai sót từ 0,5% đến dưới 2 %</i>	1.75		
	<i>Tỷ lệ bản LLTP do STP gửi năm 2022 được Trung tâm kiểm tra có sai sót từ 2% đến dưới 5%</i>	1.5		
	<i>Tỷ lệ bản LLTP do STP gửi năm 2022 được Trung tâm kiểm tra có sai sót từ 5% đến dưới 10%</i>	1		
	<i>Tỷ lệ bản LLTP do STP gửi năm 2022 được Trung tâm kiểm tra có sai sót từ 10% đến dưới 15%</i>	0.5		

	<i>Tỷ lệ bản LLTP do STP gửi năm 2022 được Trung tâm kiểm tra có sai sót từ trên 15%</i>	0.25		
<b>3</b>	<b>Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng</b>	<b>10</b>		
<b>3.1</b>	<b><i>Xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm đúng thời hạn</i></b>	<b>1</b>		
<b>3.2</b>	<b><i>Triển khai thực hiện đầy đủ các cuộc thanh tra theo kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra</i></b>	<b>3</b>		
a	Triển khai thực hiện đầy đủ các cuộc thanh tra hành chính	1		
b	Triển khai thực hiện đầy đủ các cuộc thanh tra chuyên ngành	1		
c	Thực hiện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	1		
<b>3.3</b>	<b><i>Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh</i></b>	<b>3</b>		
a	Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp dân	1		
b	Tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đúng quy định của pháp luật	1		
c	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh thuộc thẩm quyền, các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, các vụ việc tồn đọng được cơ quan thẩm quyền giao	1		
<b>3.4</b>	<b><i>Công tác phòng, chống tham nhũng</i></b>	<b>1.5</b>		
a	Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định	0.5		
b	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (thực hiện công khai, minh bạch; kiểm soát xung đột lợi ích; ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ; thực hiện quy tắc ứng xử; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác; thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dung tiền mặt; thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu)	1		

3.5	<b>Không có vi phạm được nêu trong nội dung Kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tư pháp liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp, đơn vị thuộc Sở</b>	<b>1.5</b>		
4	<b>Công tác nuôi con nuôi</b>	<b>5</b>		
4.1	<b>Tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại địa phương</b>	<b>1</b>		
	Chủ động, kịp thời hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc ở cấp cơ sở trong quá trình triển khai các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực nuôi con nuôi	1		
	<i>Không thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ</i>	0		
4.2	<b>Tham gia xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản, đề án về nuôi con nuôi</b>	<b>2</b>		
a	Tham gia xây dựng các văn bản, đề án trong lĩnh vực nuôi con nuôi, bao gồm việc cho ý kiến Khung giám sát theo dõi tình hình phát triển nuôi con nuôi trong nước	0.5		
	<i>Có tham gia góp ý trong quá trình xây dựng các văn bản, đề án trong lĩnh vực nuôi con nuôi</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Không tham gia góp ý trong quá trình xây dựng các văn bản, đề án trong lĩnh vực nuôi con nuôi</i>	<i>0</i>		
b	Tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm do Bộ Tư pháp tổ chức liên quan đến công tác nuôi con nuôi	0.5		
	<i>Tham gia đầy đủ các hội nghị, hội thảo, tọa đàm</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Không tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm</i>	<i>0</i>		
c	Đôn đốc UBND cấp xã hàng tháng rà soát, đánh giá việc trẻ em cần được nhận làm con nuôi đối trẻ em đang được cá nhân, gia đình, tổ chức tạm thời nuôi dưỡng hoặc chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật (thực hiện khoản 1 Điều 6 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP)	1		

	<i>Có thực hiện việc đôn đốc UBND cấp xã và gửi văn bản báo cáo về Cục Con nuôi</i>	<i>1</i>		
	<i>Không thực hiện việc đôn đốc UBND cấp xã</i>	<i>0</i>		
<b>4.3</b>	<b><i>Thực hiện công tác giải quyết việc nuôi con nuôi bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế</i></b>	<b><i>2</i></b>		
a	Giải quyết các việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND cấp tỉnh	1		
	<i>Giải quyết các việc nuôi con nuôi theo thẩm quyền và chỉ đạo của UBND cấp tỉnh đảm bảo chất lượng và thời hạn theo quy định của pháp luật</i>	<i>1</i>		
	<i>Giải quyết các việc nuôi con nuôi không đúng quy định pháp luật; Không giải quyết việc nuôi con nuôi</i>	<i>0</i>		
b	Sở Tư pháp chủ động tham mưu cho UBND tỉnh, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc rà soát các cơ sở nuôi dưỡng, đôn đốc cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ của trẻ em cần tìm gia đình thay thế để thực hiện các thủ tục tìm gia đình cho trẻ em theo đúng quy định của pháp luật	1		
	Có báo cáo kết quả rà soát các cơ sở nuôi dưỡng (số cơ sở nuôi dưỡng và số trẻ em đang được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội) trên địa bàn địa phương	1		
	<i>Không có báo cáo kết quả rà soát các cơ sở nuôi dưỡng (số cơ sở nuôi dưỡng và số trẻ em đang được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội) trên địa bàn địa phương</i>	<i>0</i>		
<b>B</b>	<b>THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC</b>	<b>50</b>		
<b>I</b>	<b>THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO</b>	<b>20</b>		
<b>1</b>	<b>Chế độ báo cáo công tác định kỳ (Báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết)</b>	<b>10</b>		
<b>1.1</b>	<b>Báo cáo đúng thời hạn quy định</b>	<b>2</b>		

	<i>Gửi chậm từ 01-02 ngày</i>	<i>1.5</i>		
	<i>Gửi chậm từ 03-05 ngày</i>	<i>1</i>		
	<i>Gửi chậm từ 06-10 ngày</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Gửi chậm trên 10 ngày</i>	<i>0</i>		
<b>1.2</b>	<b><i>Báo cáo đúng thẩm quyền theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp</i></b>	<b><i>1</i></b>		
	Báo cáo của UBND hoặc Sở Tư pháp (có kèm văn bản ủy quyền của Chủ tịch UBND)	1		
	<i>Báo cáo của Sở Tư pháp (không được ủy quyền của Chủ tịch UBND)</i>	<i>0</i>		
<b>1.3</b>	<b><i>Báo cáo đúng kết cấu, chất lượng đảm bảo đầy đủ các nội dung của các mặt công tác tư pháp theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp bao gồm: kết quả; nhận xét, đánh giá (ưu điểm, tồn tại, hạn chế); phương hướng; giải pháp; nhiệm vụ trọng tâm của từng mặt công tác</i></b>	<b><i>7</i></b>		7- (1 x số nội dung thiếu hoặc lĩnh vực báo cáo thiếu)
<b>2</b>	<b>Chế độ báo cáo thống kê theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp</b>	<b>10</b>		Điểm thi đua được chấm căn cứ trên cơ sở báo cáo thống kê gửi lần đầu của các Sở Tư pháp. Không chấm điểm đối với các báo cáo đã được đính chính, chỉnh sửa.
<b>2.1</b>	<b><i>Thời gian chấp hành chế độ báo cáo thống kê</i></b>	<b><i>1.5</i></b>		
	Gửi báo cáo đúng hạn	1.5		
	<i>Chậm từ 1-2 ngày</i>	<i>1</i>		
	<i>Chậm từ 3-4 ngày</i>	<i>0.75</i>		
	<i>Chậm từ 5-6 ngày</i>	<i>0.5</i>		
	<i>Chậm từ 7 ngày trở lên</i>	<i>0</i>		



2.2	<b>Đủ thông tin trong biểu</b>	2		“Thông tin” này bao gồm các chỉ tiêu, phân tổ trong 26 bảng biểu và thông tin trong phần ghi chú của nhóm biểu thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp: đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, luật sư, công chứng, hòa giải thương mại, quản lý thanh lý tài sản
	<i>Thiếu thông tin từ 1-2 biểu</i>	1.5		
	<i>Thiếu thông tin từ 3-4 biểu</i>	1		
	<i>Thiếu thông tin từ 5-6 biểu</i>	0.5		
	<i>Thiếu thông tin từ 7 biểu trở lên</i>	0		
2.3	<b>Chất lượng</b>	4.5		
a	Tính đúng	1.5		
*	Khớp nhóm phân tổ	1		
	<i>Không khớp các nhóm phân tổ trong cùng chỉ tiêu từ 1-2 biểu</i>	0.5		
	<i>Không khớp các nhóm phân tổ trong cùng chỉ tiêu từ 3 biểu trở lên,</i>	0		
*	Đúng đơn vị tính	0.5		
	<i>Sai đơn vị tính từ 1-2 biểu</i>	0.25		
	<i>Sai đơn vị tính từ 3 trở lên</i>	0		
b	Số liệu hợp lý (mỗi biểu có số liệu bất hợp lý trừ 0.5 điểm - tối đa trừ đến 3/3 điểm) Bao gồm các trường hợp như: - Số liệu tăng giảm đột biến so với báo cáo cùng kỳ trước nhưng không giải thích lý do; Số liệu tăng, giảm bất thường so với mặt bằng chung trên cả nước nhưng	3		

	không giải thích lý do; - Số văn bản QPPL được ban hành cao hơn nhiều so với số văn bản được thẩm định trong kỳ báo cáo nhưng không giải thích lý do; không phát hiện tổng số văn bản trái pháp luật nhưng cột thống kê chi tiết lại có số văn bản trái; số văn bản xử lý nhiều hơn số văn bản phát hiện trái pháp luật; Không thống kê số phí thu được nhưng lại có số tiền nộp thuế (ngân sách) hoặc ngược lại, có hoạt động có thu phí nhưng không có doanh thu; Có số tổ chức nhưng không có số lượng nhân sự và ngược lại; phí/lệ phí chứng thực thu được cao hoặc thấp hơn so với quy định của pháp luật, số đầu vào (thụ lý/tiếp nhận...) lớn hơn hoặc nhỏ hơn số đầu ra (kết quả giải quyết); số vụ việc kết thúc không khớp với số lượt người được trợ giúp pháp lý.			
<b>2.4</b>	<b><i>Thực hiện báo cáo thống kê trên phần mềm thống kê của ngành Tư pháp</i></b>	<b>2</b>		
	Thực hiện đầy đủ 26 biểu báo cáo bằng biểu mẫu điện tử trên phần mềm thống kê của Bộ Tư pháp	2		
	<i>Thực hiện từ 18 biểu đến 25 biểu</i>	1.5		
	<i>Thực hiện từ 13 biểu đến 17 biểu</i>	1		
	<i>Thực hiện từ 06 biểu đến 12 biểu</i>	0.5		
	<i>Thực hiện dưới 6 biểu hoặc không thực hiện</i>	0		
<b>II</b>	<b>CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÂY DỰNG NGÀNH VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ</b>	<b>10</b>		
<b>1</b>	<b>VỀ VIỆC KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, BỐ TRÍ, SỬ DỤNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA SỞ TƯ PHÁP THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM</b>	<b>5</b>		
<b>1.1</b>	<b><i>Kiến toàn tổ chức bộ máy các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tư pháp và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i></b>	<b>2</b>		
<b>a</b>	Đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp phù hợp với quy định của pháp luật	1		Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Thông tư 07/2020/TT-BTP

	<i>Đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật</i>	0.5		
	<i>Chưa ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật</i>	0		
b	Tham mưu kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp phù hợp với quy định của pháp luật	1		Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, Quyết định số 2069/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ
	<i>Tham mưu kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật</i>	0.5		
	<i>Chưa tham mưu kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp</i>	0		
1.2	<b>Tham mưu thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng Giám đốc, Phó giám đốc Sở Tư pháp; tham mưu thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý theo quy định</b>	1		
	Tham mưu thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng Giám đốc, Phó giám đốc Sở Tư pháp; tham mưu thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý theo quy định	1		
	<i>Thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng Giám đốc, Phó giám đốc Sở Tư pháp; tham mưu thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Sở Tư pháp có nội dung không phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý theo quy định</i>	0.5		

1.3	<b>Thực hiện việc bố trí số lượng cấp phó các tổ chức hành chính (các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, văn phòng (nếu có), thanh tra (nếu có) thuộc Sở theo đúng quy định</b>	1		Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP
	100% các tổ chức hành chính thuộc Sở bố trí số lượng cấp phó trưởng theo đúng quy định	1		
	Dưới 100% các tổ chức hành chính thuộc Sở bố trí số lượng cấp phó trưởng theo đúng quy định	0.5		
1.4	<b>Thực hiện việc bố trí, sử dụng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định của pháp luật</b>	1		
	Thực hiện việc bố trí, sử dụng 100% đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định của pháp luật	1		
	Thực hiện việc bố trí, sử dụng dưới 100% đội ngũ công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định của pháp luật	0.5		
2	<b>Về kiện toàn tổ chức, biên chế các Phòng Tư pháp trên địa bàn</b>	2		
a	Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí, sử dụng 100% đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật	1.5		
	Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí, sử dụng từ 80% đến dưới 100% đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1		

	<i>Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí, sử dụng dưới 80% đội ngũ công chức làm việc tại các Phòng Tư pháp phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp</i>	0.5		
b	Tham mưu UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Phòng Tư pháp theo quy định	0.5		Điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 07/2020/TT-BTP
	Tham mưu UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Phòng Tư pháp	0.5		
	<i>Không tham mưu UBND cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Phòng Tư pháp</i>	0		
<b>3</b>	<b>Về kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch trên địa bàn</b>	<b>2</b>		
a	Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí 100% số công chức Tư pháp - Hộ tịch có trình độ từ Trung cấp Luật trở lên và được bồi dưỡng về nghiệp vụ hộ tịch theo Luật Hộ tịch	1		
	<i>Đối với các tỉnh bảo đảm bố trí từ 80% đến dưới 100% số công chức Tư pháp - Hộ tịch có trình độ từ Trung cấp Luật trở lên và được bồi dưỡng về nghiệp vụ hộ tịch theo Luật Hộ tịch</i>	0.75		
	<i>Đối với các tỉnh chỉ bảo đảm bố trí được dưới 80% số công chức Tư pháp - Hộ tịch có trình độ từ Trung cấp Luật trở lên và được bồi dưỡng về nghiệp vụ hộ tịch theo Luật Hộ tịch</i>	0.5		
b	Đối với các tỉnh bảo đảm không bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm công tác khác.	0.5		
	<i>Đối với các tỉnh còn tình trạng công chức Tư pháp - hộ tịch phải kiêm nhiệm công tác khác.</i>	0		

c	Tham mưu, kiện toàn nâng cao chất lượng công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã theo Công văn số 81-CV/BCSD ngày 22/7/2021 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp về việc đề nghị quan tâm kiện toàn, nâng cao chất lượng công tác Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	0.5		
	<i>Chưa tham mưu, kiện toàn nâng cao chất lượng công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã theo Công văn số 81-CV/BCSD</i>	0		
<b>4</b>	<b>Tập thể đoàn kết, tổ chức đảng và các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh</b>	<b>1</b>		
	<i>Sở Tư pháp để xảy ra tình trạng tập thể mất đoàn kết (có kết luận của cơ quan có thẩm quyền) hoặc có sai phạm trong công tác tổ chức cán bộ (có tập thể hoặc công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật theo quy định)</i>	0		
<b>III</b>	<b>CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG</b>	<b>5</b>		
<b>1</b>	<b>Công tác thi đua</b>	<b>3</b>		
<b>1.1</b>	<b>Tổ chức hưởng ứng và phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua năm 2022</b>	<b>0.5</b>		
	<i>Tổ chức hưởng ứng, phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua đúng nội dung và đối tượng</i>	0.25		
	<i>Tổ chức hưởng ứng, phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua đúng thời hạn theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp</i>	0.25		
<b>1.2</b>	<b>Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động</b>	<b>1</b>		
	Triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ, thực chất các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động; có mô hình hay, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả; có giải pháp đổi mới về triển khai phong trào thi đua	1		
	<i>Triển khai thực hiện đúng kế hoạch các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp; có mô hình hay, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả</i>	0.75		
	<i>Triển khai thực hiện đúng kế hoạch các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động nhưng không có mô hình hay, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả</i>	0.5		
	<i>Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động không hiệu quả</i>	0		

<b>1.3</b>	<b>Tổ chức hiệu quả các hoạt động kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua</b>	<b>0.75</b>		
	Tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua đầy đủ, đúng thời hạn theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	0.75		
	<i>Có tổ chức thực hiện kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua nhưng báo cáo kết quả không đúng thời hạn</i>	0.5		
	<i>Không có báo cáo hoặc không thực hiện các hoạt động trên</i>	0		
<b>1.4</b>	<b>Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tọa đàm nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức</b>	<b>0.75</b>		
	Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tọa đàm về nghiệp vụ thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức	0.75		
	<i>Tham gia không đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức</i>	0		
<b>2</b>	<b>Công tác khen thưởng</b>	<b>1</b>		
<b>2.1</b>	<b>Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng</b>	<b>0.5</b>		
	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đảm bảo khách quan, chính xác đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng	0.5		
	<i>Bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không đúng quy định về tỷ lệ hoặc không đúng đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>	0		
<b>2.2</b>	<b>Chấp hành các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng</b>	<b>0.5</b>		
	Chấp hành tốt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng (thời hạn, thành phần hồ sơ, nội dung đảm bảo yêu cầu)	0.5		
	<i>Lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng thời hạn nhưng có trường hợp chưa đúng thủ tục, hồ sơ hoặc hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng thủ tục nhưng không đúng thời hạn</i>	0.25		

	<i>Bình xét khen thưởng, gửi hồ sơ không đúng thời hạn và không đảm bảo về thủ tục quy định</i>	0		
<b>3</b>	<b>Thực hiện tự chấm điểm đánh giá xếp hạng Sở Tư pháp năm 2022</b>	<b>1</b>		
<b>3.1</b>	<b>Tổ chức tự chấm điểm thi đua</b>	<b>0.5</b>		
	Tổ chức tự chấm điểm chính xác, khách quan, tổng hợp đầy đủ kết quả tự chấm điểm các lĩnh vực, nhiệm vụ công tác	0.5		
	<i>Tổ chức tự chấm điểm đầy đủ các lĩnh vực, nhiệm vụ công tác nhưng có trường hợp không chính xác</i>	0		
<b>3.2</b>	<b>Báo cáo kết quả tự chấm điểm về Bộ Tư pháp</b>	<b>0.5</b>		
	Báo cáo kết quả tự chấm điểm đúng thời hạn, có đầy đủ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	0.5		
	<i>Báo cáo kết quả tự chấm điểm có đầy đủ xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng muộn hơn so với thời hạn quy định</i>	0.25		
	<i>Có báo cáo kết quả tự chấm điểm nhưng không có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>	0		
<b>IV</b>	<b>PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DO BỘ, NGÀNH TƯ PHÁP GIAO NĂM 2022</b>	<b>5</b>		
<b>1</b>	<b>Tham gia góp ý các văn bản theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</b>	<b>1</b>		
	<i>Tham gia góp ý đầy đủ, đúng hạn các văn bản theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</i>	1		
	<i>Tham gia góp ý nhưng có văn bản chưa đúng hạn theo yêu cầu của Bộ Tư pháp</i>	0.5		
<b>2</b>	<b>Tham mưu cho UBND cấp tỉnh phối hợp hiệu quả với Bộ Tư pháp trong công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công tác tư pháp tại địa phương</b>	<b>1</b>		
<b>3</b>	<b>Tham gia các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, triệu tập của Bộ Tư pháp</b>	<b>1</b>		



	Tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, triệu tập của Bộ Tư pháp	1		
	<i>Tham gia không đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu, triệu tập của Bộ Tư pháp</i>	0		
<b>4</b>	<b>Thực hiện các chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</b>	<b>1</b>		
	Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả 100% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp	1		
	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả từ 80% đến dưới 100% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	0.75		
	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả từ 60% đến dưới 80% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	0.5		
	<i>Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả dưới 60% chỉ đạo của Bộ trong công tác tư pháp</i>	0		
<b>5</b>	<b>Tham mưu tổ chức triển khai công tác tư pháp cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, thành phố</b>	<b>1</b>		
	Tham mưu tổ chức triển khai hiệu quả công tác tư pháp cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh, thành phố	1		
	<i>Có phản ánh của báo chí đúng sự thật về tồn tại, hạn chế, khuyết điểm của công tác tư pháp tại cấp huyện, cấp xã</i>	0.5		
	<i>Có xảy ra sai phạm về công tác tư pháp tại cấp huyện, cấp xã</i>	0		
<b>V</b>	<b>THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ PHÁP DO CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG GIAO NĂM 2022</b>	<b>10</b>		
1.	Hoàn thành 100% nhiệm vụ công tác tư pháp do cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao năm 2022	10		
2.	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ công tác tư pháp do cấp ủy, chính	8		

	quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao năm 2022			
3.	Hoàn thành từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ công tác tư pháp do cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao năm 2022	6		
4.	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ công tác tư pháp do cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao năm 2022	0		
	<b>Tổng số điểm chuẩn</b>	<b>200</b>		